CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH
Về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về:

a) Nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

b) Phạm vi nội dung, hình thức hương ước, quy ước;

c) Trình tự, thủ tục soạn thảo,thông qua, công nhận, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng thực hiện, bãi bỏ hương ước, quy ước;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Nhóm công dân Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, plei, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và tương đương (sau đây gọi chung là cộng đồng dân cư);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hương ước, quy ước là những quy định liên quan đến nhiều mặt thuộc đời sống do cộng đồng dân cư tự thỏa thuận đặt ra, được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận và cùng thi hành.

2. Hương ước, quy ước không được công nhận là văn bản trong đó có nội dung trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, trái phong tục tốt đẹp của dân tộc hoặc vi phạm các quy định về thông qua, công nhận hương ước, quy ước tại Nghị định này.

3. Trưởng thôn là người đứng đầu thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, plei và tương đương.

4. Tổ trưởng tổ dân phố là người đứng đầu tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu và tương đương.

Điều 3. Mục đích xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở, góp phần tích cực hỗ trợ việc quản lý nhà nước bằng pháp luật.

2. Bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp; hạn chế và từng bước loại bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; phản ánh đa dạng hình thức pháp luật; không trái pháp luật, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xuất phát, dựa trên nhu cầu tự quản, bảo đảm tự nguyện, trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất, công khai, minh bạch của cộng đồng dân cư; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

3. Tôn trọng tính tự chủ của cộng đồng dân cư; tôn trọng tính đa dạng của văn hóa; tôn trọng tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Phù hợp với đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp;bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các giá trị văn hóa mới phù hợp với đặc điểm tình hình của cộng đồng dân cư.

Điều 5. Phạm vi nội dung của hương ước, quy ước

Tùy theo yêu cầu tự quản, đặc điểm vùng, miền, văn hóa dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán ở từng địa phương, bảo đảm kế thừa có chọn lọc các nội dung phù hợp của hương ước, quy ước (nếu đã có) và mục đích, nguyên tắc quy định tại các Điều 3 và 4 Nghị định này, cộng đồng dân cư lựa chọn 01 (một) hoặc một số nội dung như sau:

1. Đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp dân cư trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của cộng đồng dân cư; động viên và tạo điều kiện để cộng đồng dân cư thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân; thực hiện tốt các chính sách văn hóa, kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước;

2. Ghi nhận các phong tục, tập quán tốt đẹp và biện pháp hạn chế, tiến tới xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; đề ra các biện pháp góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc; thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, việc cưới, việc tang và lễ hội; vun đắp xây dựng hạnh phúc gia đình; phát triển các hoạt động văn hoá lành mạnh;

3. Đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản nhà nước và tài sản công dân, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn góp phần phòng, chống các tệ nạn xã hội; xây dựng và phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư góp phần xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, khuyến học, khuyến nghề ở địa phương và các nội dung khác do cộng đồng dân cư thấy cần thiết, quyết định;

4. Đề ra các biện pháp thưởng, phạt phù hợp để bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước. Những hành vi vi phạm pháp luật phải do các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hương ước không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hình thức của hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước được thể hiện dưới hình thức văn bản, có chữ ký xác nhận của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố và 02 (hai) đại diện của các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư; khuyến khích đại diện là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Hương ước, quy ước sau khi được công nhận có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Việc lựa chọn tên gọi “Hương ước” hoặc “Quy ước” do cộng đồng dân cư thống nhất, quyết định.

3. Nội dung của hương ước, quy ước được chia thành các chương, mục, điều, khoản, điểm hoặc kết cấu khác phù hợp với nội dung. Lời nói đầu có thể ghi nhận truyền thống lịch sử, văn hóa và mục đích xây dựng hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư. Các quy định cụ thể của hương ước, quy ước cần xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng. Các biện pháp thưởng, phạt có thể quy định ngay tại các điều, khoản cụ thể.

4. Ngôn ngữ trong hương ước, quy ước là tiếng Việt, được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu,dễ nhớ, dễ thực hiện phù hợp với cộng đồng dân cư.

Đối với cộng đồng dân cư có nhiều dân tộc cùng sinh sống và sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau thì cộng đồng dân cư xem xét, quyết định việc dịch hương ước, quy ước sang tiếng dân tộc thiểu số để bảo đảm huy động đông đảo người dân tham gia ý kiến, biểu quyết thông qua dự thảo hương ước, quy ước và thực hiện sau khi được công nhận.

Chương II

XÂY DỰNG, CÔNG NHẬN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ HOẶC TẠM NGỪNG THỰC HIỆN, BÃI BỎ HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 7. Đề xuất, soạn thảo nội dung hương ước, quy ước

1. Đề xuất soạn thảo hương ước, quy ước được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì đề xuất nội dung cơ bản dự kiến quy định trong hương ước, quy ước sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư sau đó đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

b) Công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có sáng kiến đề xuất nội dung dự kiến quy định trong hương ước, quy ước đề nghị Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tại cộng đồng dân cư theoquy định tạicác khoản 2 và 3 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hoặc thu thập ý kiến đồng thuận về sáng kiến đề xuất nội dung dự kiến quy định trong hương ước, quy ước bằng hình thức trực tiếp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở hoặc hình thức khác:

- Trường hợp sáng kiến của công dân về hương ước, quy ước từ 10% trở lên tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư đồng thuận thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

- Trường hợp sáng kiến của công dân về hương ước, quy ước chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư phố tán thành thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

2. Soạn thảo hương ước, quy ước:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư lựa chọn người tham gia và thành lập Tổ soạn thảo hương ước, quy ước trên cơ sở đề xuất tại khoản 1 Điều này;

b) Thành viên Tổ soạn thảo hương ước, quy ước là người có uy tín trong cộng đồng dân cư; có phẩm chất đạo đức tốt; có kinh nghiệm sống và có hiểu biết về pháp luật, văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương; có đại diện các tổ chức chính trị- xã hội tham gia. Đối với cộng đồng dân cư vùng dân tộc thiểu số thì Tổ soạn thảo phải có thành viên là người dân tộc thiểu số biết tiếng dân tộc thiểu số, khuyến khích thành viên là già làng, trưởng bản.

c) Theo sự điều hành của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố,Tổ soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo hương ước, quy ước tuân thủ các Điều 3, 4, 5và 6, chuẩn bị hồ sơ lấy ý kiến, thông qua,công nhận hương ước, quy ước theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định này.

Điều 8. Lấy ý kiến dự thảo hương ước, quy ước

1. Dự thảo hương ước, quy ước trước khi đưa ra cộng đồng dân cư bàn, biểu quyết thông qua phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa của cộng đồng dân cư, bảng tin công cộng, điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc địa điểm khác bảo đảm thuận tiện để hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư tiếp cận, tìm hiểu và góp ý. Thời hạn niêm yết do cộng đồng dân cư quyết định nhưng ít nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày niêm yết.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, công dân cư trú tạicộng đồng dân cư về dự thảo hương ước, quy ước bằng ít nhất bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Sao gửi dự thảo hương ước, quy ước đến từng hộ gia đình hoặc công dân cư trú tại cộng đồng dân cư;

b) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cộng đồng dân cư;

c) Mở hòm thư tiếp nhận ý kiến góp ý;

d) Lồng ghép, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp, hội nghị của cộng đồng dân cư, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác ở cộng đồng dân cư hoặc hình thức phù hợp khác.

Việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư quyết định và thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở cộng đồng dân cư.

3. Việc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định nếu xét thấy cần thiết. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ soạn thảo hương ước, quy ước có trách nhiệmtổng hợp, hoàn thiện dự thảo hương ước, quy ước trên cơ sở ý kiến của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 9. Thông qua hương ước, quy ước

1. Việc bàn, quyết định nội dung hương ước, quy ước được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Trong trường hợp đã tổ chức cuộc họpcủa cộng đồng dân cư mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu trên 50% tổng số đại diện số hộ gia đìnhtrong thôn, tổ dân phố thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình trong cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức họp cộng đồng dân cư bàn, biểu quyết thông qua hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại các Điều 18 và 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Hương ước, quy ước được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong cộng đồng dân cư tán thành.

Điều 10. Công nhận hương ước, quy ước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước.

2. Hương ước, quy ước được công nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phạm vi nội dung, hình thức của hương ước, quy ước phù hợp với quy định tại các Điều 5 và 6 Nghị định này;

b) Hương ước, quy ước được xây dựng tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục công nhận hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại các Điều 20 và 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định sau:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có gửi hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước quy định tại khoản 4 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư thông qua hương ước, quy ước hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu;

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp

xã ban hành quyết định công nhận trong thời hạn chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Quyết định công nhận theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết, biên bản cuộc họp hoặc lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hương ước, quy ước đã được thông qua sau khi tiếp thu, hoàn thiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hương ước, quy ước đã được công nhận cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổ chức thực hiện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để tổ chức vận động cộng đồng dân cư thực hiện.

6. Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư có hiệu lực thi hành kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung không phù hợp với mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại các Điều 3 và 4 Nghị định này;

b) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp với quy định tại các Điều 4, 5 và 6 Nghị định này.

2. Tùy tính chất, mức độ nội dung quy định tạiđiểm akhoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hương ước, quy ước gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Văn bản đề nghị theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trên cơ sở rà soát quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc công dân cư trú tại cộng đồng dân cư quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hương ước, quy ước.

4. Trình tự, thủ tụcsửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8, 9 và 10 Nghị định này.

Điều 12. Tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Có nội dung không phù hợp với mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại các Điều 3 và 4 Nghị định này nếu áp dụng sẽ gây ra thiệt hại hoặc nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước, đồng thời hướng dẫn cộng đồng dân cư tiến hành các thủ tục đề nghị công nhận theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này đối với trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều này; hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước phải nêu rõ lý do tạm ngừng thực hiện, thời hạn sửa đổi, bổ sung, thay thế bảo đảm thời gian tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này; hoặc hoàn tất các thủ tục thông qua, đề nghị công nhận.

Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi có quyết định công nhận hương ước, quy ước hoặc quyết định công nhận hương ước, quy ước sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Điều 13. Bãi bỏ hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

b) Bị tạm ngừng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này nhưng đã hết thời hạn quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không tiến hành thủ tục đề nghị công nhận hoặc thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế;

c) Đã được công nhận nhưng không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước.Quyết định bãi bỏ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III

THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 14. Thông tin, phổ biến, rà soát về nội dung của hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận phải được thông tin, phổ biến kịp thời, rộng rãi đến các hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư để biết, thực hiện bằng hình thức niêm yết công khai tại nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồngvàít nhất một trong các hình thức sau đây:

a) Hội nghị của thôn, tổ dân phố;

b) Thông tin trên mạng lưới thông tin cơ sở;

c) Sao gửi hương ước, quy ước đến từng hộ gia đình;

d) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cộng đồng dân cư;

đ) Hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm quản lý, niêm yết hương ước, quy ước đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận tại Nhà văn hóa của cộng đồng dân cư.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư tổ chức các hoạt động thông tin, phổ biến nội dung của hương ước, quy ước cho hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư.

4. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ cộng đồng dân cư tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông và thực hiện hương ước, quy ước.

5. Hằng năm, vào dịp Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc (ngày 18 tháng 11) hoặc một ngày quan trọng được cộng đồng dân cư thống nhất, Trưởng thôn,

Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư tổ chức cuộc họp hoặc lồng ghép trong hội nghị của cộng đồng dân cư để rà soát nội dung, kiểm điểm việc thực hiện hương ước, quy ước, kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên, đôn đốc, nhắc nhở, phê bình hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư; qua rà soát, kiểm điểm, nếu cần sửa đổi, bổ sung, thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Điều 15. Thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước bao gồm các nội dung sau:

a) Tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

b) Số lượng hương ước, quy ước được công nhận hoặc không được công nhận;

c) Số lượng hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế;

d) Số lượng hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện hoặc bị bãi bỏ;

đ) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Trước ngày 30/10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ướctrên địa bànxãgửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trước ngày 10/11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Trước ngày 30/11 hằng năm, Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnhtổng hợp thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đồng thời gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Việc sơ kết, tổng kết về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước thực hiện Nghị định này theo kế hoạch, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 16. Trách nhiệm của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm cử đại diện hộ gia đình tham gia, tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung của hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư; thực hiện nghiêm túc các nội dung của hương ước, quy ước thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

2. Hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm tự tìm hiểu, tôn trọng, tuân thủ và thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận.

3. Khi phát hiện hành vi vi phạm hương ước, quy ước, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm nhắc nhở, đề nghị chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả hoặc phản ánh, kiến nghị với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư hoặc người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của cộng đồng dân cư để xem xét, giải quyết theo quy định.

4. Khi phát hiện hương ước, quy ước vi không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có quyền kiến nghị, phản ánh đến Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân để rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng thực hiện, bãi bỏ hương ước, quy ước.

Điều 17.Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ:

a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

b) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật vềxây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư về việc xây dựng và bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận;

c) Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn;

d) Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện tốt hương ước, quy ước; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương;

e) Định kỳ hằng năm rà soát các hương ước, quy ước trên địa bàn đã được công nhận để chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng thực hiện, bãi bỏ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm vụ:

a) Thực các công việc đề xuất soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư quy định tại các Điều 7, 8 và 9 Nghị định này;

b) Công khai kết quả biểu quyết hoặc tổng hợp kết quả phiếu lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về hương ước, quy ước quy định tại Điều 9 Nghị định này;

c) Tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xãcông nhận;

d) Tập hợp, phản ánh, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết kiến nghị của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Định kỳ hằng năm đánh giá việc thực hiện hương ước, quy ước; rà soát, phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị tạm ngừng, bãi bỏ hoặc thực hiện đề nghị, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng, bãi bỏ hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này;

e) Báo cáo kết quả thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư với Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30/10 hằng năm.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của cộng đồng dân cư vận động hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiệnhương ước, quy ước và pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để cộng đồng dân cư bàn, quyết định và thực hiện các nội dung của hương ước, quy ước trên địa bàn.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến xây dựng, thực hiện hương ước quy ước, đóng trên địa bàn thuộc phạm vi thực hiện hương ước, quy ước đề cao vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện và phối hợp, hỗ trợ bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước.

4. Khuyến khích già làng, trưởng bản, người đứng đầu dòng họ, người cao tuổi, chức sắc tôn giáo và những cá nhân có uy tín khác trong cộng đồng dân cư làm gương, tuyên truyền, vận động, nhắc nhở hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư tuân thủ và thực hiện hương ước, quy ước.

5. Khuyến khích hòa giải viên ở cơ sở tham khảo, vận dụng hương ước, quy ước để hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong quá trình hòa giải tại cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

6. Khuyến khích đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước có nhiệm vụ:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

d) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Hướng dẫn việc ghi nhận các phong tục, tập quán tiến bộ; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu trong hương ước, quy ước;

e) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trả lời kiến nghị, phản ánh, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước;

g) Thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, kiến nghị việc xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

3. Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn về kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước phù hợp với lĩnh vực được giao quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Triển khai thực hiện tại địa phương các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.

Điều 22. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước do cộng đồng dân cư tự bảo đảm.

3. Kinh phí hỗ trợ việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư từ nguồn ngân sách của địa phương, do địa phương chủ động bố trí phù hợp với điều kiện ngân sách ở địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Khuyến khích việc hỗ trợ, đóng góp kinh phí, điều kiện cần thiết khác trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Hương ước, quy ước đã được công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định này được tiếp tục thi hành.

2. Hương ước, quy ước đã được công nhận hoặc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19 tháng 6 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư và Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước mà không phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này hoặc chưa được cấp có thẩm quyền công nhận phải được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc tiến hành thủ tục công nhận theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01tháng 07 năm 2023.

2. Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP:BTCN, các PCN, TLBT, Công báo, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc VPCP;
- Lưu: VT, KGVX (5b).....

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị công nhận hương ước, quy ước.

Mẫu số 02: Nghị quyết/biên bản họp hoặc lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước.

Mẫu số 03: Quyết định công nhận hương ước, quy ước.

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước.

Mẫu số 05: Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước.

Mẫu số 06: Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước.

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị công nhận hương ước, quy ước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1).., ngày …….. tháng…….. năm…….

VĂN BẢNĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HƯƠNG ƯỚC/QUY ƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân …(2)…….

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Trên cơ sở quyết định của cộng đồng dân cư…(1) họp/ lấy ý kiến ngày…tháng….năm… về việc bàn thông qua hương ước/quy ước,

Cộng đồng dân cư… (1)… thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân ….(2)…. công nhận hương ước/quy ước…(1)… (*Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước gửi kèm).*

Chúng tôi cam kết tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân….(2)….xem xét, công nhận./.

Nơi nhận:
…….

TM. THÔN…(1)…
TRƯỞNG THÔN…(3)…
(Ký)

Họ và tên

(1)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.
(2) Tên xã/phường/thị trấn.
(3) Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Mẫu số 02. Nghị quyết/biên bản cuộc họphoặc lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT/BIÊN BẢN CUỘC HỌP/BIÊN BẢN LẤY Ý KIẾN

Thông qua hương ước/quy ước ….(1)

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Hôm nay, ngày …(2), tại….(3)… cộng đồng dân cư…(1) đã tổ chức họp/ lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước…(1).

1. Thành phần dự họp/ lấy ý kiến:

- Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư:….
- Số người đại diện hộ gia đình có mặt/ Số người đại diện hộ gia đình trả lời ý kiến:…..
- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự/ Số người đại diện hộ gia đình không trả lời ý kiến:…..

2. Nội dung cộng đồng dân cư bàn/ lấy ý kiến về hương ước/quy ước …(4)…

3. Hình thức cộng đồng dân cư thông qua:…(5)…

4. Kết quả biểu quyết tại cuộc họp/ tổng hợp phiếu lấy ý kiến bằng phiếu của hộ gia đình (6):

- Số đại diện hộ gia đình tán thành:….
- Số đại diện hộ gia đình không tán thành:…
- Số đại diện hộ gia đình có ý kiến khác:…

Kết quả hương ước/quy ước …(1) được thông qua/không được thông qua/ tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư, đạt tỷ lệ:…(%)

5. Nội dung thông qua/không được thông qua của cộng đồng dân cư:…(4)

Nghị quyết/ biên bản này được cộng đồng dân cư...(1)...thống nhấtnội dung và có đại diện ký xác nhận dưới đây./.

02 ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH CỦA THÔN... (1)	**TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN THÔN...(1)**	**TM. THÔN…(1)… TRƯỞNG THÔN…(7)…**
(Ký)	**TRƯỞNG BAN**	*(Ký)*
	(Ký)	
Họ và tên	**Họ và tên**	**Họ và tên**

Nơi nhận:

…….

_____

(1)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.
(2) Cụ thể thời gian họp/ lấy ý kiến: ngày, tháng, năm.
(3) Địa điểm tổ chức cuộc họp/ lấy ý kiến.
(4) Ghi rõ nội dung toàn văn hay một phần hương ước/quy ước.
(5) Ghi rõ hình thức họp (biểu quyết bằng hình thức giơ tay hay bỏ phiếu kín)/ phát phiếu lấy ý kiến.
(6) Lấy ý kiến bằng phiếu ghi rõ số phiếu phát ra, số phiếu thu về/ số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ.
(7) Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Mẫu số 03. Quyết định công nhận hương ước, quy ước

UBND XÃ……(1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	
	……(1), ngày…….. tháng……. Năm…….

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận hương ước/ quy ước

ỦY BAN NHÂN DÂN …..(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kèm theo Quyết định này Hương ước/Quy ước ….(2).

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)…. tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Hương ước/Quy ước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4..……(3)…….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố, cộng đồng dân cư…(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
…….	*(Ký, đóng dấu)*
	Họ và tên

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.

(3)Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 04. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước.

UBND……(1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /UBND-VX Về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hương ước/quy ước	*……(1), ngày…….. tháng……. Năm…….*

Kính gửi: Trưởng thôn/ Tổ trưởng tổ dân phố …(2)

Thực hiện Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, qua rà soát Hương ước/Quy ước ….(2) đã được công nhận tại Quyết định…(3) hoặc báo cáo của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)…, Ủy ban nhân dân …(1) đề nghị Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)… thực hiện:

1. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hương ước, quy ước...(2) bảo đảm mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại các Điều 3 và 4 Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thực hiện theo quy định tại khoản 4Điều 11Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

3. Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước/quy ước …(2) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế gửi Ủy ban nhân dân …(1) trước ngày….tháng… năm… để xem xét, công nhận./.

Nơi nhận: *- Như trên;* *- Ủy ban MTTQVN…(1)* …….	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Ký, đóng dấu)* **Họ và tên**

(1) Tên xã/phường/thị trấn.
(2)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.
(3) số hiệu ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Mẫu số 05. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước

UBND ……(1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	
	……(1), ngày…….. tháng……. năm…….

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm ngừng thực hiện hương ước/ quy ước

ỦY BAN NHÂN DÂN…..(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của …,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ngừng thực hiện toàn bộ hoặc (3) Hương ước/Quy ước ….(2) đã được công nhận tại Quyết định…(4). Lý do:….(5).

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)…. phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về việc tạm ngừng thực hiện Hương ước/Quy ước …(2); trong thời gian…(6)…kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)… phải thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc thủ tục đề nghị công nhận Hương ước/Quy ước ….(2) theo quy định tại Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4……(7)…….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng dân cư… (2)…chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- Như Điều 4;	*(Ký, đóng dấu)*
- Ủy ban MTTQVN…(1)	
…….	**Họ và tên**

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.

(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước, quy ước vi phạm bị tạm ngừng thực hiện một phần

(4) Số hiệu, ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước vi phạm.

(5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, Điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.
(6) Số ngày cụ thể.
(7)Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 06. Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước

UBND……(1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	
	……(1), ngày…….. tháng……. Năm…….

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ hương ước/ quy ước

ỦY BAN NHÂN DÂN…..(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm năm 2022;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Bãi bỏ toàn bộ hoặc (3) Hương ước/Quy ước ….(2) đã được công nhận tại Quyết định…(4). Lý do:….(5)

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)…. phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về việc bãi bỏ Hương ước/Quy ước… (2).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định…(3) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4……(6)…….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng dân cư… (2)…chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- Như Điều 4;	*(Ký, đóng dấu)*
- Ủy ban MTTQVN…(1)	
…….	
	Họ và tên

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2)Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương.

(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước, quy ước vi phạm bị bãi bỏ một phần

(4) Số hiệu, ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước vi phạm.

(5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, Điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

(6)Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.